

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02 – 6 - 2023

v/v “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hà

Ông Nguyễn Trường Sa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Hoài Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 438/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐHPT - HNGĐ, ngày 04/5/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Trần Nh** – sinh năm 1986

Địa chỉ: xóm 1B, thôn V, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: ông **Nguyễn T** – sinh năm 1986

Địa chỉ: xóm 1B, thôn V, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Nh trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và

sống với nhau, hai bên gia đình không có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định vào năm 2007. Sau khi cưới bà về nhà ông Nguyễn T làm dâu được một thời gian thì vợ chồng vào thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp. Đến năm 2010 vợ chồng chuyển đến xã H, huyện Tuy Phong sinh sống.

Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn T hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nguyễn T cờ bạc và ngoại tình. Năm 2022 ông Nguyễn T bỏ mẹ con bà đi sinh sống với người phụ nữ khác. Gần 01 năm nay vợ chồng bà sống ly thân, không ai quan Nguyễn T đến ai. Từ khi ly thân ông Nguyễn T không quan Nguyễn T và chu cấp tiền cho bà nuôi con.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, có hàn gắn cũng không hạnh phúc nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Ngọc A – sinh ngày 19/12/2006 và Nguyễn Ngọc Q – sinh ngày 19/5/2019, bà xin nhận nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn T: theo biên bản xác minh tại thôn V, xã H huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận thì ông Nguyễn T có hộ khẩu tại thôn V, xã H, huyện Tuy Phong. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông Nguyễn T theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Nguyễn T vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Nh đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn T không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Nh, giao 02 con chung Nguyễn Ngọc A và Nguyễn Ngọc Q cho bà Nguyễn Nh nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Nh khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T, do đó đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn T có nơi cư trú tại thôn V, xã H, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Trần Nh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, bà Trần Nh vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Trần Nh và ông Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Bà Nguyễn Nh trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Nguyễn T cờ bạc và ngoại tình. Năm 2022 ông Nguyễn T bỏ mẹ con bà đi sinh sống với người phụ nữ khác. Gần 01 năm nay vợ chồng bà sống ly thân, không ai quan Nguyễn T đến ai. Từ khi ly thân ông Nguyễn T không quan Nguyễn T và chu cấp tiền cho bà nuôi con.. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Nguyễn Nhều lần triệu tập nhưng ông Nguyễn T không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Nguyễn T không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn Nh. Quá trình xác minh tại địa phương xác định bà bà Nguyễn Nh và ông Nguyễn T không còn chung sống với nhau.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Nh và ông Nguyễn T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Nh.

[3] Về con chung: Có 02 con tên Nguyễn Ngọc A – sinh ngày 19/12/2006 và Nguyễn Ngọc Q – sinh ngày 19/5/2019, bà Nguyễn Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Nh phù hợp với tình hình thực tế cuộc sống và nguyện vọng của cháu Như nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Nh.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Nh là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Nh đối với ông Nguyễn T.

Bà Trần Nh được ly hôn với ông Nguyễn T.

3/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A – sinh ngày 19/12/2006 và Nguyễn Ngọc Q – sinh ngày 19/5/2019 cho bà Trần Nh trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

Bà Nguyễn Nh có quyền khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn T cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Ông Nguyễn T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4/ Về án phí: bà Trần Nh phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn Nh đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0011907 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà Nguyễn Nh đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

Lâm Thị Mỹ Kỳ